

9. KHOA MÔI TRƯỜNG

I. CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ

1. Về hoạt động khảo sát

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên đánh giá môn học, giảng viên; Sinh viên năm cuối; Cựu sinh viên; Giảng viên giảng dạy các CTĐT của khoa; Doanh nghiệp.
- **Đơn vị thực hiện khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- **Đơn vị tổng hợp kết quả khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2. Tóm tắt các kết quả khảo sát hài lòng các bên liên quan

a) Khảo sát giảng viên Về chương trình đào tạo (CTĐT)

STT	Nội dung khảo sát	Khoa Môi trường	
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	83.33	4.08
2	Về CDR của CTĐT	83.33	4.14
3	Về chất lượng đào tạo của trường	83.33	3.97
4	Về cơ sở vật chất (CSVCh) phục vụ dạy và học	47.22	3.56
5	Về công tác thư viện	83.33	4.11
6	Về công tác tổ chức đào tạo	91.67	4.22
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	100	4.53
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	88.89	4.14
9	Về công tác đối ngoại	77.78	4.14
10	Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng	58.33	3.81
11	Về công tác hành chính cấp trường	77.78	4.17
12	Về công tác hành chính cấp khoa	88.89	4.33

b) Khảo sát Doanh nghiệp

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng DN khảo sát	Tỉ lệ hài lòng (%)	TB
1	Về kiến thức chuyên môn	7	100	4.43
2	Về sự thích ứng với công việc	7	85.71	4.14
3	Về trách nhiệm và sự cầu tiến	7	100	4.57
4	Về sự chấp hành nội quy/quy định	7	85.71	4.43
5	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	7	71.43	4
6	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	7	85.71	4.29
7	Về kỹ năng làm việc nhóm	7	85.71	4.29
8	Về kỹ năng giải quyết vấn đề	7	85.71	4
9	Đánh giá chung về các nhân sự được trường đào tạo	7	100	4.29

c) Khảo sát Cựu sinh viên

- Về tình hình việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm

Ngành	Tổng	Đã có việc làm toàn thời gian		Đang tự tạo việc làm		Đang làm việc bán thời gian		Chưa có việc làm	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
KHMT	101	86	85.15	1	0.99	3	2.97	11	10.89
CNKTMT	75	56	74.67	6	8.00	5	6.67	8	10.67

- Tổng quan hài lòng của cựu sinh viên về nhà trường sau khi ra trường.

Nội dung khảo sát	Năm 2024			
	CNKT môi trường		KH môi trường	
	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
Về các kiến thức đã được trang bị ở trường	76	4.05	69.31	3.85
Về các kỹ năng đã được học ở trường	69.33	3.91	64.36	3.71
Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của cá nhân	41.33	3.44	32.67	3.14
Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cá nhân	69.33	3.91	64.36	3.7
Về kỹ năng giải quyết vấn đề của cá nhân	68	3.85	63.37	3.67
Về kỹ năng làm việc nhóm của cá nhân	72	3.96	82.18	3.98
Về CSVC phục vụ đào tạo và nghiên cứu của trường	53.33	3.6	50.5	3.48
Về chương trình đào tạo (CTĐT) của ngành học	66.67	3.85	65.35	3.74
Về CĐR của CTĐT (của ngành học)	69.33	3.89	68.32	3.82
Về năng lực và PP giảng dạy của đội ngũ giảng viên	78.67	4.07	75.25	3.98
Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của trường	74.67	3.99	70.3	3.86
Mức độ thích ứng giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại	58.21	3.72	52.22	3.52
Đánh giá chung về sự hài lòng đối với công việc hiện tại	68.66	3.96	65.56	3.81

d) Khảo sát sinh viên năm cuối về hoạt động hỗ trợ của trường

STT	Nội dung khảo sát	Khoa Môi trường	
		Tỉ lệ (%)	TB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	85.14	4.09
2	Về CĐR của CTĐT	90.54	4.24
3	Về đội ngũ Giảng viên	89.19	4.24
4	Về cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học	63.51	3.81
5	Về công tác thư viện	79.73	4.08
6	Về công tác tổ chức đào tạo	82.43	4.11
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	85.14	4.18
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	85.14	4.22
9	Về công tác sinh viên	86.49	4.24
10	Về Đoàn hội	66.22	3.85
11	Về chăm sóc y tế, sức khỏe tinh thần	77.03	4.11
12	Về công tác hỗ trợ cấp khoa	82.43	4.15
13	Về kiến thức chuyên môn được nhà trường đào tạo	82.43	4.2
14	Về các kỹ năng được nhà trường đào tạo	86.49	4.23
15	Về các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	77.03	4.05

e) Khảo sát sinh viên đánh giá môn học và giảng viên

HK2/2023-2024

TT	Nội dung khảo sát	KHMT		CNKTM		Quản lý TNMT		KHMT(DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	90.57	4.58	88.18	4.52	91.58	4.57	90.69	4.50
2	Về môn học thực hành	95.65	4.65	85.71	4.21	-	-	95.83	4.79
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	90.52	4.59	88.92	4.52	93.09	4.61	88.97	4.52
4	Về GV dạy môn học thực hành	91.30	4.59	85.71	4.29	-	-	100	4.79

5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	89.07	4.54	88.33	4.50	90.08	4.54	88.97	4.48
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	91.30	4.52	85.71	4.21	-	-	100	4.79

HK3/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	KHMT (DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	90.91	4.63
2	Về môn học thực hành	-	-
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	90.24	4.63
4	Về GV dạy môn học thực hành	-	-
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	90.91	4.58
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	-	-

HK1/2024-2025

TT	Nội dung khảo sát	KHMT		CNKTMT		Quản lý TNMT		KHMT(DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	91.91	4.6	92.51	4.59	93.38	4.61	94.10	4.62
2	Về môn học thực hành	88.89	4.56	91.96	4.51	92.42	4.55	100	4.75
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	92.08	4.61	92.56	4.59	93.89	4.61	96.35	4.65
4	Về GV dạy môn học TH	88.36	4.49	89.95	4.43	92.42	4.5	93.75	4.69
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	90.64	4.54	92.67	4.58	91.93	4.56	92.70	4.55
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	88.89	4.56	91.46	4.45	87.88	4.5	90.63	4.63

3. Tổng hợp kết quả khảo sát và nhận định:

a) Điểm mạnh

Dựa trên kết quả khảo sát cho thấy sự phản hồi từ các bên liên quan khá tích cực đối với các tiêu chí đánh giá được khảo sát:

- Mỗi quan hệ với nhà tuyển dụng được đánh giá tích cực:
 - + Doanh nghiệp hài lòng về kiến thức chuyên môn (100%, điểm TB 4.43) và tinh thần trách nhiệm, cầu tiến (100%, điểm TB 4.57).
 - + Điểm trung bình hài lòng của doanh nghiệp đối với tất cả các tiêu chí được khảo sát tăng so với năm 2023.
 - + Các nhà tuyển dụng đánh giá cao năng lực chuyên môn và khả năng thích nghi của sinh viên sau tốt nghiệp. Các doanh nghiệp vẫn khá hài lòng với người lao động là cựu sinh viên của Khoa.
 - + Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc được phản hồi tích cực.
- Chương trình đào tạo:
 - + Sinh viên năm cuối và giảng viên đều đánh giá cao về tính minh bạch trong tổ chức đào tạo, lịch học, lịch thi và công tác khảo thí.

- + CĐR đã được chuẩn hóa rõ hơn, và mức độ hài lòng tăng lên đáng kể.
- Tỷ lệ có việc làm và ổn định nghề nghiệp khá cao: 89% cựu sinh viên có việc làm, trong đó 85% làm việc toàn thời gian; hơn 50% có việc ngay khi hoặc trước khi tốt nghiệp.
- Giảng viên có chuyên môn và phương pháp giảng dạy phù hợp: Giảng viên được đánh giá tích cực về năng lực chuyên môn, sự linh hoạt trong phương pháp và khả năng hỗ trợ học tập (trên 4.1 điểm từ sinh viên; 97% giảng viên đồng thuận về tính phù hợp của PPGD).
- Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên và giảng viên được hỗ trợ: Có chính sách hỗ trợ rõ ràng, quy trình thông báo, xét duyệt, triển khai đề tài rõ ràng minh bạch.
- Tác phong làm việc và khả năng ứng dụng CNTT ổn định: Doanh nghiệp hài lòng với tác phong làm việc, khả năng sử dụng công nghệ thông tin (tỷ lệ hài lòng $\geq 86\%$).

b) Điểm cần cải thiện

- Thiếu kỹ năng mềm và kỹ năng thực hành
 - + Một số ý kiến từ nhà tuyển dụng, giảng viên và sinh viên phản ánh sinh viên còn hạn chế về: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Kỹ năng thực hành/thực tế: Các kỹ năng thực hành chuyên ngành còn yếu, sinh viên thiếu tự tin khi tiếp cận công việc thực tế; Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ; Kỹ năng giải quyết vấn đề.
 - + Cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa, thực tập, thực tế.
- Cơ sở vật chất và trang thiết bị
 - + Một số phản ánh cho rằng trang thiết bị thực hành, phòng thí nghiệm chưa thực sự đáp ứng nhu cầu học tập, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và nghiên cứu.
 - + Cần đầu tư thêm các thiết bị mô phỏng, dụng cụ học tập phục vụ chuyên ngành.
- Liên kết với doanh nghiệp còn hạn chế
 - + Mức độ hợp tác giữa Khoa và doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình, tổ chức thực tập, tuyển dụng chưa sâu rộng.
 - + Cần xây dựng mạng lưới kết nối chặt chẽ hơn với các bên sử dụng lao động.
- Tuy tỷ lệ có việc làm toàn thời gian cao, nhưng tỷ lệ làm đúng ngành thấp, khả năng ứng dụng chuyên môn còn yếu và thu nhập chưa cao
 - + Chỉ 19% cựu sinh viên làm đúng ngành, 38% làm việc không liên quan. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm thấp hơn so với năm 2023, ở cả 2 ngành. Sinh viên làm trong lĩnh vực tư nhân vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất (khoảng 60%).
 - + Mức độ phù hợp chuyên môn với công việc thực tế chỉ 52% (điểm TB 3.52).
 - + Thu nhập thấp hơn so với các ngành kỹ thuật môi trường tương đương.
- Ngoài ra, một số vấn đề nhìn nhận của sinh viên năm cuối cũng cho thấy các điểm cần cải thiện đó là: Sinh viên chưa hài lòng về sự phân bố môn học giai đoạn đại cương và giai đoạn ngành.

II. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kế hoạch đã thực hiện

STT	Biện pháp cải tiến 2024	Tình trạng thực hiện	Đánh giá hiệu quả
1	Cải tiến CTĐT: cập nhật CTĐT hằng năm về các mặt (nội dung đào tạo, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tự học suốt đời...) để tiếp cận hơn với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và xã hội.	Đã thực hiện một phần	Cải tiến CTĐT: Năm 2024 khoa đã thực hiện đánh giá CTĐT cho khóa 2024 và cập nhật CTĐT cho Khóa tuyển 2025 với hai nội dung điều chỉnh: 1) CĐR, 2) Ba môn học chuyên ngành nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm.
2	Hợp tác doanh nghiệp: Để nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, việc hợp tác giữa khoa, nhà trường và doanh nghiệp là vô cùng cần thiết. Các chương trình thực tập, workshop và seminar với sự tham gia của các chuyên gia trong ngành sẽ giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với môi trường làm việc thực tế.	Đã thực hiện, thu hút được sự quan tâm của SV	Để nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, việc hợp tác giữa khoa, nhà trường và doanh nghiệp là vô cùng cần thiết. Các chương trình thực tập, workshop và seminar với sự tham gia của các chuyên gia trong ngành sẽ giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với môi trường làm việc thực tế. Khoa đã phân công cho các bộ môn tổ chức hoạt động kết nối với doanh nghiệp, Cụm sinh viên, tổ chức cho SV bộ môn, mở rộng cho SV toàn khoa: + BM CNMT tổ chức Hội thảo “Hệ sinh thái tái chế: Kết nối các doanh nghiệp bền vững”. với đại diện từ Hiệp hội tái chế Chất thải Việt Nam, các công ty khách mời Công ty Cổ phần Giải Pháp Dệt May Bền Vững (STS), Công ty Môi trường Á Châu, Công ty DUYTAN Recycling. + BM QL&THMT tổ chức Chuyên đề “Định hướng nghiên cứu và nghề nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường”. + BM KHMT tổ chức Chuyên đề “Vững bước trong ngành Khoa học môi trường: Năng suất xanh và những kỹ năng cần thiết”. + Trong Diễn đàn Khoa học – Doanh nghiệp & Đổi mới sáng tạo lần II (FIIS 2025), Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM đã tổ chức thành công tọa đàm chuyên đề “Kết nối Doanh nghiệp & Nhà trường”. Khoa Môi trường kết nối HEINEKEN Việt Nam tham gia diễn đàn. Sự kiện đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc xây dựng cầu nối chiến lược giữa học thuật và doanh nghiệp, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
3	Xây dựng kỹ năng sinh viên: Phối hợp với đội ngũ giáo viên cố vấn và Đoàn - Hội sinh viên Khoa để thúc đẩy sinh viên hiểu được các quy chế đào tạo, tham gia các lớp kỹ năng, các	Thực hiện một phần	Lồng ghép với các buổi sinh hoạt cho SV năm 1 -3 và SHCD cuối khóa. Khoa xây dựng các chương trình để tập huấn các kỹ năng cho sinh viên: Phối hợp với đội ngũ giáo viên cố vấn và Đoàn - Hội sinh viên Khoa để thúc đẩy sinh viên hiểu được các quy chế đào tạo, tham gia các lớp kỹ năng, các chuyên đề, các hoạt động ngoại khóa

STT	Biện pháp cải tiến 2024	Tình trạng thực hiện	Đánh giá hiệu quả
	chuyên đề, các hoạt động ngoại khóa và các dự án môi trường.		và các dự án môi trường...
4	Tổ chức hội thảo ghi nhận ý kiến các bên liên quan: Việc đánh giá, phản hồi từ doanh nghiệp và cựu sinh viên được xem xét nghiêm túc và có những điều chỉnh kịp thời. Sự phản hồi này sẽ là nguồn thông tin quý báu để nhà trường cải thiện CTĐT, đảm bảo sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có thể phát triển bền vững trong tương lai.	Chưa thực hiện	
5	Điều chỉnh đề cương học phần dựa trên yêu cầu thực tiễn	Đã thực hiện một phần	Một số học phần đã cập nhật CDR và nội dung thực tiễn hơn. Tuy nhiên, cần mở rộng điều chỉnh cho các môn học khác, đặc biệt các môn cơ sở ngành.
6	Sắp xếp lại thứ tự học phần trong chương trình	Chưa thực hiện đầy đủ	Một vài học phần đã được điều chỉnh thời điểm học, nhưng chưa rà soát toàn diện.
7	Thành lập tổ tư vấn định hướng nghề nghiệp	Đã thành lập, hoạt động hạn chế	Mới triển khai ở mức thí điểm (2 buổi/năm). Chưa có lịch hoạt động định kỳ hay có sự tham gia đều đặn từ doanh nghiệp và cựu SV.
8	Tăng cường truyền thông và giao lưu với cựu SV	Đã thực hiện tốt	Có sự phát triển các kênh truyền thông như Facebook, TikTok; tổ chức thành công 1–2 buổi tọa đàm với cựu SV. Cần duy trì và mở rộng tần suất và chất lượng.
9	Lồng ghép kỹ năng mềm vào môn học	Đã thực hiện một phần	Một số môn học có lồng ghép kỹ năng giải quyết vấn đề, thuyết trình, làm việc nhóm. Tuy nhiên chưa đồng đều giữa các giảng viên, và mức độ tăng dần quan từng môn học, cần hướng dẫn cụ thể hơn sau khi rà soát chương trình một cách toàn diện.
10	Kết hợp kỹ năng ngoại ngữ vào giảng dạy	Mới khởi động	Một số giảng viên đã yêu cầu SV đọc tài liệu tiếng Anh, nhưng chưa phổ biến và có tính kế thừa giữa các môn học. Cần có chính sách khuyến khích mạnh hơn.
11	Tăng cường ví dụ thực tiễn trong giảng dạy	Đã thực hiện	Giảng viên bộ môn đã cập nhật ví dụ thực tế địa phương hoặc tình huống doanh nghiệp. Tuy nhiên, cần tổ chức chia sẻ kinh nghiệm giữa giảng viên đã thực hiện để nhân rộng. Bên cạnh đó, vấn đề chi phí thực hiện cũng cần được giải quyết.
12	Tập huấn SV trước thực tập	Chưa thực hiện đầy đủ	Chưa có buổi tập huấn chính thức, SV còn lúng túng khi đi thực tập. Cần tổ chức buổi hướng dẫn tiền thực tập có kế hoạch, tài liệu rõ ràng.

2. Kế hoạch dự kiến thực hiện

a) Cập nhật và tinh chỉnh CTĐT

Mục tiêu Chương trình cập nhật xu thế thực tiễn, tăng tính ứng dụng, tăng hiệu quả tiếp thu kiến thức, hạn chế trùng lặp, tạo logic liên môn:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dựa trên ban Đảm bảo chất lượng.
- Rà soát toàn bộ CTĐT một cách hệ thống, toàn diện: Hội đồng Khoa sẽ họp và phân tích đánh giá CTĐT hiện tại, đồng thời nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 để điều chỉnh và xây dựng lại CTĐT một cách khoa học, phù hợp với thực tế.
- Tiếp tục điều chỉnh đề cương học phần dựa trên phản hồi doanh nghiệp và khảo sát cựu SV.
- Lồng ghép nội dung định hướng nghề nghiệp ngành Môi trường và dạy trước khi sinh viên đi thực tập chuyên ngành để cung cấp kiến thức, kỹ năng cho SV trước khi ra thực tế ở doanh nghiệp.

b) Giải pháp cho vấn đề kỹ năng mềm và kỹ năng thực hành và ngoại ngữ

- Tăng cường tích hợp kỹ năng vào từng môn học từ cơ sở ngành đến chuyên ngành.
- Tổ chức thường xuyên các hội thảo, chuyên đề kỹ năng nghề nghiệp với sự tham gia của chuyên gia, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng.
- Mở rộng thời lượng thực tập, kiến tập tại doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu báo cáo chuyên đề thực tế gắn với chuyên môn.
- Thiết kế mô-đun học tập theo tình huống (case-based learning) và dự án thực tiễn (project-based learning) trong CTĐT.
- Mở rộng định hướng đề tài tốt nghiệp từ sớm.
- Tổ chức buổi tập huấn tiên thực tập bắt buộc; có checklist, đánh giá năng lực đầu ra thực tập.
- Xây dựng mô hình mentoring giữa SV năm cuối và SV năm 2–3 để truyền đạt kỹ năng mềm (Ví dụ BM CNMT trong các buổi giới thiệu môn thực tập chuyên ngành từ 3 năm gần đây đều có mời SV khoá trên tham gia chia sẻ kinh nghiệm).
- Xây dựng CLB Hỗ trợ học tập (Tutor) để các bạn SV năm trước hỗ trợ các bạn SV năm sau học tập các môn khó và tiếng Anh (theo nhóm 1 kèm 3-5 SV).
- Phối hợp Đoàn/Hội và các CLB của SV để tổ chức các buổi thi thử tiếng Anh.
- Tích hợp bài tập nhóm, thuyết trình và báo cáo bằng tiếng Anh trong ít nhất 3-5 môn học.
- Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc theo sát và thúc đẩy tình hình học tập của các lớp.

c) Giải pháp cho vấn đề cơ sở vật chất và thiết bị

- Lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp thiết bị định kỳ, ưu tiên cho các học phần thực hành, thí nghiệm.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm chuyên ngành trong giảng dạy. Tăng sử dụng tài nguyên số, triển khai moodle cho bậc đại học.
- Tiếp tục góp ý nhà trường liên tục cải thiện CSVC, điều kiện học tập & nghỉ ngơi của SV trong từng phòng học ở cả 2 cơ sở.

d) Giải pháp cho vấn đề liên kết với doanh nghiệp

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dựa trên hai ban Quan hệ đối ngoại và KHCN và ban Truyền thông, tuyển sinh và phục vụ người học
- Xây dựng mạng lưới doanh nghiệp đối tác, thúc đẩy tương tác với các doanh nghiệp đã ký kết hợp tác dài hạn để hỗ trợ thực tập, tuyển dụng, học bổng, seminar.
- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp là cựu sinh viên của khoa.
- Tổ chức định kỳ Ngày hội việc làm, Career Talk, hoặc lớp học nghề nghiệp với doanh nghiệp.
- Khuyến khích giảng viên mời khách mời từ doanh nghiệp tham gia báo cáo trong môn học.
- Thiết lập “Câu lạc bộ doanh nghiệp đồng hành” với Bộ môn – giúp duy trì mạng lưới hỗ trợ.
- Tạo sổ tay hướng dẫn thực tập cho SV và mẫu biên bản phối hợp dành cho doanh nghiệp.

Năm 2024-2025 Khoa chưa thực hiện được hội thảo doanh nghiệp và cựu sinh viên để lấy ý kiến đánh giá, phản hồi đối với CTĐT và chất lượng đào tạo. Trong năm học 2025 – 2026, Khoa dự kiến sẽ phải thực hiện công tác này để cải tiến các mặt chưa được của CTĐT và nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ khoa cả về kiến thức lẫn kỹ năng, thái độ.

e) Phát triển truyền thông nội bộ và ngành học

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dựa trên ban Truyền thông, tuyển sinh và phục vụ người học.
- Cập nhật liên tục các hoạt động của khoa, thầy cô, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, các bên có liên quan... với mục tiêu chính truyền thông hình ảnh khoa Môi trường phổ biến và có tính nhận diện.
- Cần nhanh nhạy trong việc nắm bắt thông tin và truyền thông dưới dạng tin ngắn kèm hình ảnh, ưu tiên tính liên tục, đều đặn để tăng khả năng nhận diện, thể hiện sự năng động của Khoa.
- Duy trì kênh website Khoa và trang Facebook khoa với nội dung định kỳ: chia sẻ học thuật, thực địa, câu chuyện cựu SV.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về chính sách hỗ trợ SV

- Đề xuất trường hỗ trợ SV năm cuối có cơ hội học kỹ năng mềm miễn phí từ các đơn vị đối tác.
- Các tổ chức Đoàn - Hội sinh viên trường cần tuyên truyền, vận động thúc đẩy sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, tổ chức từ thiện và các dự án xã hội. Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng cá nhân như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian mà còn giúp họ xây dựng mối quan hệ, mở rộng mạng lưới kết nối.
- Đề nghị với Nhà trường xem xét thời điểm tổ chức “Hội nghị Khoa học trẻ Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM” thường niên vào tháng 6 (thay vì tháng 5) nhằm tạo điều kiện nhiều hơn cho SV năm cuối tham gia (gắn với kết quả nghiên cứu của đề tài tốt nghiệp).
- Khảo sát doanh nghiệp, Cựu sinh viên nên được công bố cho sinh viên để các bạn biết khi ra trường mình cần cải thiện, nâng cao kiến thức và kỹ năng gì.
- Việc đánh giá, phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là từ doanh nghiệp và cựu sinh viên về cơ sở vật chất cần được nhà trường xem xét nghiêm túc và có kế hoạch dài hạn để cải tiến.

- Mở rộng và hiện đại hoá thư viện CS2 thành không gian học tập của SV như các thư viện tại CS1 và các thư viện đạt chuẩn của các trường trong khu vực..
- Mỗi SV cần được cấp tài khoản (miễn phí) để truy cập các CSDL học thuật trong nước và quốc tế phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu. Nếu thiếu kinh phí thì có thể làm dần theo các nhóm ưu tiên, vd ưu tiên miễn phí SV năm 4 trước để thực hiện đề tài tốt nghiệp, sau đó mở rộng dần cho tất cả SV.

2. Về chương trình đào tạo (CTĐT)

- Với CTĐT ngành KHMT hiện tại, rất phù hợp với SV theo định hướng nghiên cứu. Tuy nhiên, chương trình này có thể không đáp ứng được yêu cầu của SV theo định hướng ứng dụng đi làm ở các doanh nghiệp bên ngoài. Vì vậy, cần có giải pháp chia theo chuyên ngành định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, từ đó chọn ra các môn học và phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu của sinh viên.
- Xem xét mở hướng đào tạo liên thông lên Thạc sĩ trong thời gian 5 năm với 2 định hướng cho SV: SV theo hướng ứng dụng có thể học 4 năm (trong đó học kỳ 2 năm 4 thực hiện đề tài tốt nghiệp); SV theo hướng nghiên cứu thì học liên thông thêm 1 năm.
- Số lượng cựu SV tham gia khảo sát hiện đang công tác trong lĩnh vực môi trường, sản xuất và viện nghiên cứu chiếm khoảng 55%, còn lại là các lĩnh vực khác, ít có liên quan đến môi trường và sử dụng những kiến thức trong chương trình Khoa học môi trường. Cần đánh giá lại xu hướng nghề nghiệp hiện tại và tương lai để có sự điều chỉnh về kiến thức và kỹ năng, tăng khả năng thích ứng và chuyển đổi của sinh viên sau tốt nghiệp.
- Về vấn đề ngoại ngữ của SV, cần có yêu cầu ngoại ngữ đầu vào trước khi yêu cầu ngoại ngữ đầu ra. Trường chỉ dạy 4 Anh văn, chứ không đào tạo chứng chỉ ngoại ngữ. Vì vậy, yêu cầu ngoại ngữ đầu ra có thể là khó với SV. Trường cần rà soát lại nội dung giảng dạy của 4 môn Anh văn có hướng tới mục tiêu cho sinh viên đáp ứng CĐR không.
- Học sinh cấp 3 vào năm sau sẽ học chương trình mới, có học sinh hoàn toàn không học môn Lý, Hóa hay Sinh. Kiến thức các môn đại cương trong chương trình có thể quá sức đối với SV. Vì vậy cần xem lại lượng kiến thức trong các môn đại cương cho phù hợp với khả năng của SV đầu vào.

3. Về truyền thông nội bộ

- Cần đẩy mạnh công tác truyền thông đặc biệt là truyền thông nội bộ cho VC-NLĐ và sinh viên toàn trường nắm rõ các quy định, quy chế hoạt động, quy trình thực hiện nhiệm vụ...
- Cần tổ chức các hoạt động đào tạo nội nghiệp về các quy trình, quy định của Trường cho các bên liên quan nắm rõ.
- Có hỗ trợ tài chính và thời gian cho GV phụ trách truyền thông.